

1

2. Anh Lê Việt A, sinh năm 2009; Địa chỉ: Tổ 15, Thị trấn Đ, huyện Đ, Hà Nội; vắng mặt.

3. Ông Lê Văn D1, sinh năm 1958; Địa chỉ: Tổ 46, thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến kháng cáo:

1. Ông Nguyễn Hà H3, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 23 ngách 133/32 H, Q, quận H, Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa.

2. Ông Trần Minh D, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ 6, phường T, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc; vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 03/11/2008, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đông Anh, TP. Hà Nội nhận được đơn của ông Hoàng Văn Đ (sinh năm 1964, trú tại: thôn P, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội) tố giác Ngô Thị Ng (sinh năm 1982, trú tại: thôn K, xã N, huyện Đ, thành phố Hà Nội) có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Đ để vay tiền ngân hàng giúp ông Đ nhưng Ng không thực hiện mà chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn N, không thông báo cho ông Đ biết. Kết quả điều tra xác định được như sau:

Ngày 28/4/1999, ông Hoàng Văn Đ (sinh năm 1964, trú tại: thôn P, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội) được UBND huyện Đ, thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M277040 đối với thửa đất số 4, tờ bản đồ số 5, diện tích 203 m², địa chỉ tại thôn P, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Năm 2007, do cần tiền để lo công việc nên ông Đ đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M277040 cho Quỹ tín dụng nhân dân xã V để vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm.

Khoảng tháng 10/2007, anh Lê Phi Kh (sinh năm 1972, trú tại: thôn P, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội, là em vợ ông Đ) cần tiền để lo công việc nên đã nhờ ông Đ cho mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất trên để vay tiền ngân hàng thì ông Đ đồng ý. Thông qua mối quan hệ xã hội, Kh quen biết Ngô Thị Ng, Ng giới thiệu với anh Kh rằng Ng có thể giúp anh Kh vay được tiền tại ngân hàng do chồng Ng đang làm việc tại Phòng giao dịch thị trấn Q thuộc Ngân hàng B - Chi nhánh P nhưng phải có tài sản thế chấp đảm bảo khoản vay, sau khi làm được thủ tục vay tiền cho anh Kh thì lúc đó Ng và anh Kh mới trao đổi tiền công của Ng giúp anh Kh, anh Kh và ông Đ đồng ý. Anh Kh và ông Đ thống nhất nhờ Ng làm thủ tục thế chấp thửa đất trên để vay ngân hàng số tiền 300.000.000 đồng, sau đó ông Đ sẽ sử dụng một phần số tiền vay để làm ăn, còn lại cho anh Kh mượn để lo công việc. Tuy nhiên, do ông Đ đang thế chấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất trên tại Quỹ tín dụng xã V nên để thực hiện thỏa thuận trên với Ng, anh Kh đã vay của Ng số tiền 10.000.000 đồng đưa cho ông Đ trả nợ Quỹ tín dụng và làm thủ tục giải chấp để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M277040. Ng đồng ý. Khoảng tháng 12/2007, Quỹ tín dụng đã giải chấp khoản vay của ông Đ và trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất trên cho ông Đ. Ngày 17/01/2008, Ng đến nhà ông Đ, yêu cầu ông Đ đưa cho Ng bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M277040 để Ng làm thủ tục vay tiền ngân hàng. Tại đây, ông Đ và vợ là bà Lê Thị Ng1 (sinh năm: 1963) đã bàn giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M277040 (bản gốc) cho Ng nhưng không lập biên bản giao nhận. Sau khi nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Ng không làm hồ sơ thế chấp thửa đất trên để vay tiền giúp ông Đ như thỏa thuận. Đến tháng 6/2008, do cần tiền lo công việc nên ông Đ đã nhờ anh Kh tiếp tục hỏi vay Ng thêm 10.000.000 đồng, Ng đã cho ông Đ vay số tiền trên. Đến đầu tháng 7/2008, Ng đến nhà ông Đ yêu cầu vợ chồng ông Đ và bà Ng1 ký thủ tục chuyển nhượng thửa đất của ông Đ cho Ng thì Ng mới làm được thủ tục vay tiền ngân hàng giúp ông Đ, ông Đ đồng ý. Ngày 20/7/2008, Ng cùng ông Đ, bà Ng1 và anh Hoàng Minh Th (sinh năm: 1985), anh Hoàng Minh T (sinh năm 1987) đều là con ông Đ đến UBND huyện Đ để ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở, đất ao, đất vườn liền kề và tài sản trên đất số 416/HĐ-CN. Ngày 04/8/2008, UBND huyện Đ đã công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên giữa Ng và gia đình ông Đ. Đến ngày 05/8/2008, UBND huyện Đ đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN442155 cho Ngô Thị Ng đối với thửa đất trên. Tuy nhiên, sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất trên, Ng không thực hiện việc thế chấp thửa đất trên để vay tiền ngân hàng theo thỏa thuận với ông Đ.

Đến ngày 11/8/2008, do cần tiền để kinh doanh và chi tiêu cá nhân, Ng đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản thông qua việc thỏa thuận thế chấp thửa đất trên cho anh Nguyễn Hà H3 (sinh năm 1976, trú tại: số 4 G8, tập thể Q, quận H, thành phố Hà Nội) để vay số tiền 600.000.000 đồng trong thời hạn 04 tháng, lãi suất 60.000.000 đồng. Ng đưa thông tin rằng thửa đất trên thuộc sở hữu của Ng, đồng thời đưa cho anh H3 xem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Ngô Thị Ng; tin tưởng Ng, anh H3 đồng ý cho Ng vay số tiền trên trong thời hạn 04 tháng nhưng với điều kiện Ng phải ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất trên cho anh H3 và bàn giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN442155 (bản gốc) cho anh H3 để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ thì Ng đồng ý. Cùng ngày 11/8/2008, tại Phòng công chứng số 5 thành phố H, Ng cùng chồng là anh Trần Minh D (sinh năm: 1979) và anh H3 đã ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 13/2008/HĐCN/HNM chuyển nhượng thửa đất trên cho anh H3 và bàn giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản gốc) cho anh H3 quản lý, anh H3 cắt 60.000.000 đồng tiền lãi và đưa trực tiếp cho Ng số tiền 540.000.000 đồng tiền mặt (không viết giấy biên nhận). Sau khi chuyển nhượng và bàn giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh H3, Ng không thông báo và đưa tiền cho ông Đ và anh Kh. Đến ngày 06/10/2008, anh Kh đến nhà Ng để hỏi về thủ tục và tiến

độ Ng vay tiền ngân hàng giúp ông Đ và anh Kh thì Ng vẫn hẹn sau vài ngày sẽ vay tiền giúp ông Đ. Để anh Kh yên tâm, Ng đã viết 01 “giấy biên nhận” đưa cho anh Kh giữ, với nội dung: “*Ng cầm 01 sổ đỏ của vợ chồng ông Đ để vay tiền, do tình hình chưa thuận lợi nên chưa vay được tiền*”. Số tiền Ngô Thị Ng nhận của anh H3 là 600.000.000 đồng, Ng đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Ngoài ra, năm 2007, Ng có vay của anh Lê Văn N (sinh năm: 1970, trú tại: tổ 59 thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội) số tiền 370.000.000 đồng nhưng chưa trả được nên Ng đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của anh N và trừ số nợ trước đó. Khoảng tháng 10/2008, Ng đưa ra thông tin gian dối với anh N về việc Ng là chủ sở hữu đối với thửa đất diện tích 203m² địa chỉ tại thôn P, xã V, huyện Đ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN442155 mang tên Ngô Thị Ng cần bán với giá 1.400.000.000 đồng, nếu anh N đồng ý mua thì N sẽ bán cho anh N đồng thời sẽ trừ nợ số tiền trước đó Ng đã vay của anh N. Tuy nhiên, Ng nói với anh N rằng giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất trên (bản gốc) đang được Ng thế chấp để vay số tiền 01 tỷ đồng, sau khi anh N trả tiền thì Ng sẽ làm thủ tục giải chấp và bàn giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản gốc) cho anh N. Để tạo lòng tin, Ng đưa cho N xem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN442155 mang tên Ngô Thị Ng (bản photo), đồng thời Ng dẫn anh N đến xem 01 thửa đất có diện tích tương tự và có vị trí gần với thửa đất của ông Đ tại thôn P, xã V, huyện Đ; Ng đưa thông tin rằng thửa đất Ng chỉ cho anh N xem chính là thửa đất Ng sẽ bán cho anh N; tin tưởng Ng, anh N đồng ý mua thửa đất trên. Ngày 29/10/2008, Ng cùng chồng là anh D, anh Nguyễn Hà H3 và ông Lê Văn N đến Phòng công chứng số 5 thành phố H ký văn bản huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 13/2008/HĐCN/HNM lập ngày 11/8/2008 (hợp đồng được ký giữa Ng, anh D với anh H3). Ngay sau đó, Ng, anh D và anh N đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 88/2008/HĐCN/HNM chuyển nhượng thửa đất trên cho anh N với giá 1.400.000.000 đồng nhưng trên hợp đồng Ng yêu cầu ghi giá tiền chuyển nhượng đất là 700.000.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng, anh H3 đã trả lại cho Ng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN442155 (bản gốc), Ng bàn giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho anh N; Ng và anh N thống nhất đối trừ số tiền Ng nợ anh N trước đó gồm cả tiền gốc và lãi là 400.000.000 đồng nên anh N chỉ giao cho Ng 1.000.000.000 đồng tiền mặt, Ng đã viết 01 “giấy biên nhận” đưa cho anh N giữ, với nội dung: “*Ng nhận đủ số tiền 1,4 tỷ đồng của anh N, Ng cam đoan mảnh đất trên là của Ng, không tranh chấp gì*”. Số tiền Ng đã chiếm đoạt của anh N là 1.400.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền của anh N, Ng đã trả trực tiếp cho anh H3 600 triệu đồng tiền mặt, số tiền còn lại 400 triệu đồng Ng đã sử dụng chi tiêu cá nhân.

Sau khi nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN442155 do Ng bàn giao, anh N nhờ người quen kiểm tra thông tin về thửa đất thì được biết thửa đất trên trước đây là của ông Hoàng Văn Đ, hiện ông Đ vẫn đang quản lý sử dụng. Ngày 03/11/2008, anh N yêu cầu Ng bàn giao trực tiếp thửa đất cho anh N theo mốc giới. Khi Ng, anh N đến xác định mốc giới tại thửa đất trên thì ông Đ và anh Kh cũng đến. Lúc này, ông Đ, anh Kh phát hiện sự việc Ng đã bán thửa

đất của ông Đ cho anh N, ông Đ yêu cầu Ng trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với thửa đất trên thì Ng đã viết 01 “giấy cam kết” lập ngày 03/11/2008 với nội dung: “*Ng cam kết mua lại thửa đất của anh Đ do Ng bán cho anh N để trả lại cho anh Đ*”. Cùng ngày, ông Đ đã gửi đơn đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đông Anh đề nghị xem xét, giải quyết theo quy định. Sau khi hành vi của Ng bị phát hiện, Ng đã bỏ trốn khỏi địa phương, cắt liên lạc với ông Đ và anh N.

Tài liệu, vật chứng Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ:

- Ngày 16/9/2024, đại diện gia đình ông Hoàng Văn Đ đã nộp số tiền 20.000.000 đồng vào Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội để trả lại số tiền vay cho bị cáo Ngô Thị Ng;

- Ngày 02/10/2024, đại diện gia đình bị can Ngô Thị Ng đã nộp số tiền 200.000.000 đồng vào Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội để thực hiện nghĩa vụ bồi thường trách nhiệm dân sự cho ông Lê Văn N;

- Ngày 03/11/2008, ông Lê Văn N giao nộp cho Cơ quan CSĐT - Công an huyện Đông Anh gồm: 01 bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN442155 đứng tên chủ sở hữu là Ngô Thị Ng; 01 “giấy biên nhận” đề ngày 29/10/2008.

- Ngày 03/11/2008, ông Hoàng Văn Đ giao nộp cho Cơ quan CSĐT - Công an huyện Đông Anh gồm: 01 “giấy biên nhận” đề ngày 06/10/2008; 01 “giấy cam kết” đề ngày 03/11/2008.

Tại Cơ quan điều tra: Ngô Thị Ng khai: khoảng đầu tháng 12/2008, Ng đã trốn sang Trung Quốc qua đường tiểu ngạch (đường sông) tại địa phận TP. M, tỉnh Quảng Ninh. Tháng 3/2009, Ng sinh con đặt tên là Ngô Gia H4, Ng thuê người tìm cách đưa H4 về Việt Nam nhờ mẹ đẻ của Ng là bà Lê Thị X (sinh năm: 1951) nuôi dưỡng. Đến năm 2012, Ng về Việt Nam qua đường cũ, cư trú tại tỉnh Lào Cai, Ng nhờ người không quen biết để làm Chứng minh nhân dân số 063439338 cấp tại Công an huyện B, tỉnh Lào Cai ngày 11/01/2012 sử dụng thông tin cá nhân là Trần Thúy H5 (sinh năm 1982, HKTT: thị trấn T, huyện B, tỉnh Lào Cai). Đến năm 2017, Ng quen anh Nguyễn Văn H6 (sinh năm 1991, trú tại: thôn Q, xã P, huyện G, tỉnh Hải Dương) và sinh sống cùng H6 như vợ chồng, chuyển về cư trú tại tổ 5 khu 3 phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh đến khi Ng bị bắt theo quyết định truy nã.

Ngoài ra, bị can Ngô Thị Ng còn khai nhận: Năm 2008, Ng có vay của anh Lê Văn Th (sinh năm: 1971, trú tại xã K, huyện Đ, thành phố Hà Nội) 02 lần với tổng số tiền 600.000.000 đồng (Quá trình bỏ trốn về hành vi chiếm đoạt tài sản của ông Lê Văn N, Ngô Thị Ng vẫn liên lạc với anh Th để trao đổi về việc trả nợ. Tại cơ quan điều tra, anh Th khai phù hợp với lời khai của Ngô Thị Ng, bản thân anh Th trình bày việc anh Th cho Ng vay số tiền trên là tự nguyện, anh Th không yêu cầu xử lý hình sự đối với Ngô Thị Ng mà chỉ đề nghị Ng trả lại anh Th số tiền đã vay nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý hình sự đối với Ngô Thị Ng về hành vi nêu trên.

Đối với hành vi Ng đưa thông tin gian dối và chuyển nhượng thửa đất trên cho anh Nguyễn Hà H3 để vay số tiền 600.000.000 đồng, quá trình điều tra xác định: sau khi Ng chuyển nhượng thửa đất cho anh N, Ng đã trả lại số tiền 600.000.000 đồng cho anh H3, đồng thời hai bên thống nhất hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh H3 và Ng ký trước đó (việc ký hợp đồng chuyển nhượng với anh H3 là giả cách đảm bảo cho khoản vay 600 triệu đồng của Ng, bản chất không phải mua bán thật) nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý hình sự đối với Ngô Thị Ng về hành vi nêu trên.

Đối với hành vi của Ngô Thị Ng ký hợp đồng với ông Hoàng Văn Đ nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất với thửa đất số M277040 để nhờ Ng vay tiền ngân hàng nhưng Ng không làm thủ tục vay ngân hàng mà ký hợp đồng giả cách với anh Nguyễn Hà H3 để vay số tiền 600 triệu đồng. Sau đó, Ng ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất trên cho ông Lê Văn N, nhận tiền của anh N rồi bỏ trốn, không thông báo cho ông Đ biết, quá trình điều tra xác định: giao dịch giữa ông Đ và Ng là giao dịch dân sự vô hiệu, bản thân ông Đ vẫn đang quản lý, sử dụng thửa đất trên, không bàn giao thửa đất cho Ng, ông Đ chỉ đồng ý cho Ng đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thuận tiện cho việc vay tiền ngân hàng; việc Ng bỏ trốn nhằm chiếm đoạt số tiền của anh N, không phải để chiếm đoạt thửa đất của ông Đ nên cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Ng về hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản nhà đất của ông Đ.

Đối với anh Trần Minh D (chồng của Ng), quá trình điều tra xác định: anh D tham gia cùng Ng ký các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất của ông Đ nhưng bản thân anh D không biết về thỏa thuận giữa ông Đ, anh Kh và Ng; thỏa thuận giữa Ng với anh H3, do là quan hệ vợ chồng nên anh D đồng ý ký tên dưới mục người nhận chuyển nhượng cùng với Ng trên hợp đồng chuyển nhượng thửa đất với ông Đ và ký tên mục bên chuyển nhượng trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Hà H3, ký thủ tục hủy giao dịch mua bán thửa đất với anh H3, ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất cho ông Lê Văn N. Việc anh D ký tên trên các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là theo đề nghị của Ng và thực hiện theo quy định của Luật Đất đai, anh D không bàn bạc, không hưởng lợi gì từ Ng nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với anh D về hành vi đồng phạm với Ngô Thị Ng về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Về trách nhiệm dân sự:

- Ngày 13/02/2016, ông Hoàng Văn Đ đã chết, bà Lê Thị Ng1, anh Hoàng Minh T, anh Hoàng Minh Th là đại diện theo pháp luật của ông Hoàng Văn Đ đề nghị hoàn trả lại bị can Ngô Thị Ng số tiền 20.000.000 đồng đã nộp vào Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội; đề nghị hủy bỏ giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Đ với Ngô Thị Ng và giữa Ngô Thị Ng với anh N do giao dịch vô hiệu, hoàn trả thửa đất cho gia đình ông Đ.

- Ngày 11/11/2021, anh Lê Văn N đã chết, các đại diện của anh N gồm: chị Trịnh Thị Thanh H (sinh năm: 1972, là vợ anh N), chị Lê Thị Mai H2 (sinh năm:

1996, là con đẻ của anh N) và anh Lê Văn D1 (sinh năm 1958, trú tại: tổ 46 thị trấn Đ, huyện Đ, TP. Hà Nội được sự ủy quyền của bà Văn Thị Th - SN: 1936 là mẹ anh N) đề nghị công nhận hợp đồng chuyển nhượng thửa đất giữa Ngô Thị Ng với ông Lê Văn N.

- Anh Lê Văn Th đề nghị Ngô Thị Ng trả lại số tiền 600.000.000 đồng Ng đã vay cho anh Th.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 728/2024/HS-ST ngày 12/12/2024 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án ngày 20/02/2025, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt Bị cáo Ngô Thị Ng 12 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; thời hạn tù tính từ ngày 21/3/2024.

Căn cứ Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Ngô Thị Ng trả lại cho đại diện theo pháp luật của ông Lê Văn N là bà Trịnh Thị Thanh H, chị Lê Mai H2, anh Lê Việt A, anh Lê Văn D1 số tiền 1.400.000.000đồng.

Đổi trừ số tiền bà Ngô Thị Ng1 đã nộp 200.000.000 đồng theo Giấy nộp tiền vào tài khoản số 3949.0.10502728 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội nộp ngày 2/10/2024 và số tiền gia đình ông Hoàng Văn Đ đã nộp 20.000.000đồng theo Giấy nộp tiền vào tài khoản số 3949.0.10502728 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội nộp ngày 15/9/2024 (người đại diện theo pháp luật của ông Lê Văn N được nhận số tiền trên), bị cáo còn phải trả cho đại diện theo pháp luật của ông Lê Văn N số tiền 1.180.000.000đồng.

Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 416 ngày 20/7/2008 lập tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ giữa ông Hoàng Văn Đ và bị cáo Ngô Thị Ng đối với thửa đất số 4 tờ bản đồ số 5 diện tích 203 m2 tại thôn P, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 29/10/2008 giữa Ngô Thị Ng và ông Lê Văn N, đối với thửa đất số 4 tờ bản đồ số 5 diện tích 203 m2 tại thôn P, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội lập tại Phòng công chứng số 5, số công chứng 88/2008/HĐCC/HNM.

Trả cho người đại diện hợp pháp của ông Hoàng Văn Đ (bà Lê Thị Ng1, anh Hoàng Minh Th, anh Hoàng Minh T) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 332155 (hiện lưu hồ sơ bút lục số 131-132).

Kiến nghị Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ, thành phố Hà Nội thu hồi hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 442155 số vào sổ GCN: 170/24/QĐ-UB do Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ, thành phố Hà Nội cấp ngày 05/8/2008, đồng thời cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nói trên cho người đại diện hợp pháp của ông Hoàng Văn Đ theo quy định.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/12/2024, bà Trịnh Thị Thanh H có đơn

kháng cáo phần trách nhiệm dân sự án hình sự sơ thẩm số 728/2024/HS-ST ngày 12/12/2024, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Trong đơn, bà H đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc ông Nguyễn Hà H3 phải nộp lại 600.000.000 đồng để khấu trừ vào nghĩa vụ bồi thường của bị cáo cho gia đình bà; buộc ông Trần Minh D phải liên đới với bị cáo Ngô Thị Ng thực hiện bồi thường cho gia đình bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trịnh Thị Thanh H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và có đơn trình bày: Ngày 29/10/2008, sau khi nhận 1.000.000.000 đồng của anh Lê Văn N tại Phòng Công chứng số 5 thành phố H, bị cáo Ng đã giao ngay 600.000.000 đồng cho ông Nguyễn Hà H3. Như vậy khoản tiền 600.000.000 đồng bị cáo Ng đưa cho ông H3 là do phạm tội mà có nên phải được thu hồi để trả lại cho gia đình bà; đồng thời phải xem xét trách nhiệm liên đới của ông Trần Minh D và bồi thường thiệt hại do giao dịch dân sự vô hiệu.

Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà Trịnh Thị Thanh H trình bày: Giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng bị cáo Ng và ông N vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật và lỗi hoàn toàn thuộc về bị cáo Ng cùng chồng là ông Trần Minh D. Vì vậy, căn cứ khoản 4 Điều 131 Bộ luật Dân sự, bị cáo Ng và ông Trần Minh D phải liên đới bồi thường thiệt hại do hợp đồng vô hiệu. Số tiền bồi thường được xác định theo giá thị trường của quyền sử dụng đất mà các bên đã thỏa thuận chuyển nhượng trừ đi 1.400.000.000 đồng.

Bên cạnh đó, như bà Trịnh Thị Thanh H trình bày ông Nguyễn Hà H3 nhận của bị cáo Ng 600.000.000 đồng tại Phòng Công chứng, ngay sau khi Ng nhận 1.000.000.000 đồng của ông Lê Văn N. Bà H đã yêu cầu bằng văn bản đề nghị buộc ông Nguyễn Hà H3 hoàn trả số tiền này nhưng không được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét. Luật sư đề nghị tiến hành thẩm định giá quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận số AN442155 (vì trong hồ sơ chỉ có kết luận của Hội đồng định giá năm 2008, không phản ánh đúng giá trị hiện nay); bổ sung ông Nguyễn Hà H3 và ông Trần Minh D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến nội dung kháng cáo và triệu tập đến phiên tòa để làm rõ sự thật khách quan của vụ án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Kháng cáo của bà Trịnh Thị Thanh H trong thời hạn luật định, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Ngô Thị Ng, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng tội danh, khung hình phạt; mức hình phạt là phù hợp. Về nội dung kháng cáo của người đại diện bị hại đề nghị xem xét trách nhiệm liên đới của ông Trần Minh D, Viện kiểm sát thấy rằng quá trình điều tra đã làm rõ ông D không biết về thỏa thuận giữa bị cáo Ng với ông Đ, ông Kh và giữa bị cáo Ng với ông H3, ông N; ông D ký các hợp đồng là theo đề nghị của bị cáo Ng và quy định của pháp luật về đất đai, ông D không bàn bạc, không hưởng lợi gì nên không xác định trách nhiệm liên đới của ông D là phù hợp. Về kháng cáo đề nghị thu hồi 600.000.000 đồng mà bị cáo Ng đã đưa cho ông Nguyễn Hà H3 để trả cho bị hại, Viện kiểm sát thấy rằng quan hệ giữa bị cáo Ng và ông H3 là quan hệ dân sự thông thường; ông H3 không biết việc bị cáo Ng lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị hại Lê Văn N nên không có cơ sở để buộc ông H3 phải liên đới bồi thường cho bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Trịnh Thị Thanh H có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo Ngô Thị Ng, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Ngày 03/8/2008, vợ chồng ông Hoàng Văn Đ và bà Lê Thị Ng1 đã ký hợp đồng giả cách chuyển nhượng thửa đất số 4, tờ bản đồ số 5, diện tích 203m² ở thôn P, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M277040 cho Ngô Thị Ng để nhờ Ng vay vốn ngân hàng giúp ông Đ và ông Lê Phi Kh (em vợ ông Đ). Sau khi ký hợp đồng, Ng không làm thủ tục thế chấp vay tiền cho ông Đ như thỏa thuận mà thế chấp thửa đất trên cho ông Nguyễn Hà H3 để vay số tiền 600.000.000 đồng thông qua hình thức ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và không thông báo cho ông Đ biết. Mặc dù biết thửa đất trên thuộc quyền sở hữu của ông Đ, việc ký hợp đồng chuyển nhượng chỉ là giả cách nhưng do cần tiền để trả nợ và chi tiêu cá nhân, Ng đã đưa ra thông tin gian dối với ông Lê Văn N rằng thửa đất trên thuộc sở hữu của Ng; Ng đã đưa cho ông N xem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản photo) mang tên Ngô Thị Ng, đồng thời đưa ông N đến xem thửa đất có diện tích tương tự, gần vị trí thửa đất trên của ông Động để tạo lòng tin cho ông N mua lại thửa đất trên. Tin tưởng Ng, ông N đã đồng ý mua thửa đất trên với giá 1.400.000.000 đồng. Ông N trừ 400.000.000 đồng Ng nợ trước đó và trả cho Ng 1 tỷ đồng. Sau khi nhận tiền từ ông N, Ng đã trả 600.000.000 đồng cho ông H3; số tiền còn lại Ng sử dụng chi tiêu cá nhân. Với nội dung và các tình tiết của vụ án nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Ngô Thị Ng phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự (Chiếm đoạt tài sản có trị giá 500.000.000 đồng trở lên) là đúng tội, đúng pháp luật. Quyết định về tội danh và hình phạt của Tòa án cấp sơ thẩm đối với bị cáo Ngô Thị Ng không bị kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bà Trịnh Thị Thanh H, thấy rằng các tài liệu trong hồ sơ thể hiện, ngày 29/10/2008, bị cáo Ng cùng chồng là ông Trần Minh D, ông Nguyễn Hà H3 và ông Lê Văn N đến Phòng Công chứng số 5, thành phố H ký văn bản hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã ký trước đó giữa Ng, ông D và ông H3; ngay sau đó, bị cáo Ng và ông D ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn N với giá 1.400.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền của ông N, Ng trả trực tiếp cho ông H3 600.000.000 đồng. Như vậy, có căn cứ về việc số tiền 600.000.000 đồng mà bị cáo Ng trả cho ông Nguyễn Hà H3 là một phần số tiền bị cáo Ng đã chiếm đoạt của bị hại Lê Văn N. Trong trường hợp này, các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm cần xác định ông Nguyễn Hà H3 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án để làm rõ số tiền 600.000.000 đồng mà ông H3 nhận từ bị cáo Ngô Thị Ng có phải là tiền do bị cáo

Ng phạm tội mà có hay không; từ đó, xác định việc có thu hồi khoản tiền này để trả lại cho bị hại theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự hay không. Bên cạnh đó, khi xác định hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bị cáo Ngô Thị Ng và ông Trần Minh D với bị hại Lê Văn N là vô hiệu thì cần làm rõ lý do hợp đồng vô hiệu và giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu nếu một trong các bên có yêu cầu mới bảo đảm quyền lợi của bị hại và những người liên quan.

[4] Trong vụ án này, khi giải quyết trách nhiệm dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm chưa đưa ông Nguyễn Hà H3 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; chưa xem xét, quyết định về khoản tiền 600.000.000 đồng mà bị cáo Ngô Thị Ng đã chuyển cho ông H3 nên có căn cứ để chấp nhận một phần kháng cáo của đại diện bị hại, hủy quyết định của bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự, biện pháp tư pháp để giải quyết sơ thẩm lại; khi giải quyết sơ thẩm lại, án phí dân sự sơ thẩm (nếu có) sẽ được xác định lại theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí, căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội "Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án", bà Trịnh Thị Thanh H không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355; điểm đ khoản 2 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự, hủy quyết định về phần trách nhiệm dân sự, biện pháp tư pháp tại Bản án số 728/2024/HS-ST ngày 12/12/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội (được sửa chữa, bổ sung theo Thông báo số 35/2025/TB-TA ngày 20/02/2025) để giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật; cụ thể:

- Hủy quyết định về việc: “*Nghĩa vụ hoàn trả: Bị cáo Ngô Thị Ng trả lại cho đại diện theo pháp luật của ông Lê Văn N là bà Trịnh Thị Thanh H, chị Lê Mai H2, anh Lê Việt A, anh Lê Văn D1 số tiền 1.400.000.000 đồng. Đối trừ số tiền bà Ngô Thị Ng1 đã nộp 200.000.000 đồng theo Giấy nộp tiền vào tài khoản số 3949.0.10502728 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội nộp ngày 02/10/2024 và số tiền gia đình ông Hoàng Văn Đ đã nộp 20.000.000 đồng theo Giấy nộp tiền vào tài khoản số 3949.0.10502728 của Cục Thi hành án dân sự TP. Hà Nội nộp ngày 15/9/2024 (người đại diện theo pháp luật của ông Lê Văn N được nhận số tiền trên), bị cáo còn phải trả cho đại diện theo pháp luật của ông Lê Văn N số tiền 1.180.000.000 đồng.*”

- Hủy quyết định về việc: “*Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 416 ngày 20/7/2008 lập tại phòng Tài nguyên và môi trường huyện Đ giữa ông Hoàng Văn Đ và bị cáo Ngô Thị Ng đối với thửa đất số 4 tờ bản đồ số 5 diện tích 203 m2 tại thôn P, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội.*

- Hủy quyết định về việc: “Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 29/10/2008 giữa Ngô Thị Ng và ông Lê Văn N, đối với thửa đất số 4 tờ bản đồ số 5 diện tích 203 m² tại thôn P, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội lập tại Phòng Công chứng số 5, số công chứng 88/2008/HĐCC/HNM.

Trả cho người đại diện hợp pháp của ông Hoàng Văn Đ (bà Lê Thị Ng1t, anh Hoàng Minh Th, anh Hoàng Minh T) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 332155 (hiện lưu hồ sơ bút lục số 131-132).

Kiến nghị Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ, thành phố Hà Nội thu hồi hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 442155 số vào sổ GCN: 170/24/QĐ-UB do Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ, thành phố Hà Nội cấp ngày 05/8/2008, đồng thời cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nói trên cho người đại diện hợp pháp của ông Hoàng Văn Đ theo quy định.”

2. Giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định của bản án sơ thẩm về án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại phần trách nhiệm dân sự của vụ án.

Bà Trịnh Thị Thanh H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả bà Trịnh Thị Thanh H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0076921 ngày 08/01/2025 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- Trại tạm giam số 1, CA TP. Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Bị cáo (qua Trại giam);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu Phòng HCTP (VP), HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Chu Thành Quang